

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 275/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thu T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: **Số nhà F, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**

- Bị đơn: Anh **Hoàng Chí D**, sinh năm 1980

Địa chỉ: **Số nhà F, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Phạm Thu T** và anh **Hoàng Chí D**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung thứ nhất là **Hoàng Thảo N**, sinh ngày 22/4/2005 và **Hoàng Chí T1**, sinh ngày 30/4/2019 cho chị **Phạm Thu T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh **Hoàng Chí D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); chia ra anh **Hoàng Chí D** cấp dưỡng nuôi cháu **Hoàng Thảo N** số tiền là 2.500.000đ/tháng cho đến khi cháu **N** đủ 18 tuổi và cấp

dưỡng nuôi cháu **Hoàng Chí T1** 2.500.000đ/tháng cho đến khi cháu **T1** đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng, kể từ tháng 10/2023. Anh **Hoàng Chí D** được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị **Phạm Thu T** và anh **Hoàng Chí D** tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị **Phạm Thu T** và anh **Hoàng Chí D** cùng xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Phạm Thu T** tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm của vụ án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí số: 000000699521 ngày 05 tháng 10 năm 2023, đơn vị nhận tiền Chi cục **T2** hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. **H** trả lại cho chị **Phạm Thu T** số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị **T** đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh **Hoàng Chí D** phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND **TP . Tuyên Quang** (02 bản);
- Chi cục THADS **TP . Tuyên Quang** (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND p. Phan Thiết, **TP . Tuyên Quang** (để biết)
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

